

Bản án số: 30/2021/HS-ST
Ngày 25 / 6 / 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Tâm;

Ông Ngô Văn Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Trương Văn T, sinh năm 1996, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị Minh C1; có vợ là Huỳnh Thị Kiều L và 01 con sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân:

+ Ngày 12/5/2016, bị Ủy ban nhân dân xã K, huyện C áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; chấp hành xong ngày 13/8/2016;

+ Ngày 19/12/2017, bị Ủy ban nhân dân xã K, huyện C đưa đi cắt cơn giải độc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh A; chấp hành xong ngày 19/3/2018;

Bị tạm giữ từ ngày 09/4/2021 đến ngày 15/4/2021 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Phan Thị Kim T2, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Lưu Thị Thanh T3, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh A; vắng mặt.

- Ông Hà Văn N1, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 05/4/2021, Trương Văn T điều khiển xe đạp từ nhà tại xã K, huyện C đến khu vực ấp N, xã N, huyện C, phát hiện xe mô tô biển số 67H5-9926 của Nguyễn Văn T1 dựng cặp lề đường, không người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm xe để sử dụng. Sau đó, T bỏ xe đạp cặp lề đường, rồi lén lấy trộm xe mô tô của T1 điều khiển về nhà cất giấu. Do sợ bị phát hiện nên T tháo biển số 67H5-9926 ném bỏ và gắn biển số 67L1-872.04 được Phan Thị Kim T2 cho vào xe mô tô trộm được của T1, để sử dụng. Riêng T1, sau khi phát hiện xe bị mất, T1 đã đến Công an xã H trình báo. Khoảng 17 giờ ngày 09/4/2021, T đến Công an xã H đầu thú.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, màu xanh đã trả lại cho T1 và 01 biển số 67L1-872.04 đang bị tạm giữ.

- Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG.TTHS ngày 13/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: 01 xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, số máy 10359869, số khung 2504541, trị giá 3.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới khởi tố, tạm giam T để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSCM ngày 31 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân xấu do đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” vào ngày 12/5/2016 và bị đưa đi cắt cơn giải độc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh A vào ngày 19/12/2017. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo tù 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo do bị cáo có thu nhập không ổn định. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 biển số xe mô tô đang bị tạm giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Trương Văn T khai nhận, khoảng 12 giờ ngày 05/4/2021, bị cáo điều khiển xe đạp đến khu vực ấp N, xã N, huyện C. Do phát hiện xe mô tô biển số 67H5-9926 dừng cấp lề đường, không người trông giữ nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô để sử dụng. Bị cáo dựng xe đạp cấp lề đường rồi lấy trộm xe mô tô biển số 67H5-9926, điều khiển về nhà cất giấu. Để tránh bị phát hiện, bị cáo tháo biển số 67H5-9926 ném bỏ xuống sông và nói với bà Phan Thị Kim T2 mới mua xe mô tô nhưng không có biển số. Bà T2 cho bị cáo biển số 67L1-872.04 gắn vào xe mô tô bị chiếm đoạt. Đến khoảng 17 giờ ngày 09/4/2021, bị cáo đến Công an xã H đầu thú.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 13/4/2021 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập; lời khai của ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn N (cha của ông T1), bà Lưu Thị Thanh T3 (vợ của T1) về việc ông N đứng tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 67H5-9926 và cho ông T1 quản lý, sử dụng. Ngày 05/4/2021, khi ông T1 dựng xe mô tô biển số 67H5-9926 trên đường, cấp Kênh 41 thì bị mất trộm. Ông T1 nói lại sự việc cho ông N, bà T3 biết; lời khai của ông Nguyễn Văn T4 về việc được ông T1 cho biết bị mất trộm xe mô tô biển số 67H5-9926 vào ngày 05/4/2021; lời khai của bà Phan Thị Kim T2 về việc nhặt được biển số 67L1-872.04 và cho bị cáo gắn vào xe mô tô mà bị cáo cho rằng mua của người khác.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là 01 xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, màu xanh và 01 biển số 67L1-872.04.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 67H5-9926.

Theo Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG.TTHS ngày 13/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, 01 xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, số máy 10359869, số khung 2504541, trị giá 3.000.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông T1 là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng tài sản không có người trông coi để thực hiện hành vi chiếm đoạt, thay biển số khác và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi

nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân không tốt do đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” vào ngày 12/5/2016 và bị đưa đi cắt cơn giải độc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh A vào ngày 19/12/2017. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Phan Thị Kim T2 đã cho bị cáo biển số 67L1-827.04 gắn vào xe mô tô bị chiếm đoạt. Tuy nhiên, bà T2 không biết xe mô tô đó được bị cáo chiếm đoạt của người khác. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với bà T2 là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, số máy 10359869, số khung 2504541 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

- Đối với 01 biển số 67L1-827.04, ông Hà Văn N1 đứng tên chủ sở hữu xe mô tô có biển số 67L1-827.04. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 17/5/2021, Công an xã K, huyện C cung cấp, ông N1 đã đi khỏi địa phương và địa phương không tiếp nhận tố giác, tin báo về việc mất trộm xe mô tô biển số 67L1-827.04. Do biển số 67L1-827.04 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, ông T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Trương Văn T: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 09/4/2021 (*ngày chín, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt*).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) biên kiểm soát 67L1-872.04 (đã qua sử dụng);

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trương Văn T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị Kim T2, bà Lưu Thị Thanh T3 và ông Hà Văn N1 là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện C;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh An Giang;
- CQTHAHS Công an huyện C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình